

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ TỔNG HỢP QUỐC NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ TỔNG HỢP QUỐC NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400943059

**3. Ngày thành lập:** 25/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 10, Tổ dân phố Ninh Khánh, Thị Trấn Nến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0948 925 670

Fax:

Email: ctyquocnam2022@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                   | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                          | 4329(Chính) |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                          | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                     | 4390        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                        | 4633        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                      | 4649        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                 | 4663        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh | 4669        |
| 9.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                  | 0210        |
| 10. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                                                                                                            | 0220        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                            | 0240        |
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                     | 7110        |
| 13. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                          | 4723        |
| 14. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                         | 0810        |
| 15. | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                                                                                                                           | 0892        |
| 16. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu                                                                                                                                                                                                                                 | 0899        |
| 17. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                          | 1610        |
| 18. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                       | 1621        |
| 19. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                 | 1622        |

|     |                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                              | 1623 |
| 21. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện             | 1629 |
| 22. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                | 2392 |
| 23. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                    | 2395 |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                       | 4933 |
| 25. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                  | 5022 |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                          | 5210 |
| 27. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                     | 5224 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                              | 5225 |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                            | 5510 |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                     | 5610 |
| 31. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                             | 5621 |
| 32. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                 | 5629 |
| 33. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                              | 5630 |
| 34. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                       | 7730 |
| 35. | Xây dựng nhà để ở                                                                                    | 4101 |
| 36. | Xây dựng nhà không để ở                                                                              | 4102 |
| 37. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                        | 4211 |
| 38. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                         | 4212 |
| 39. | Xây dựng công trình điện                                                                             | 4221 |
| 40. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                  | 4222 |
| 41. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                    | 4229 |
| 42. | Xây dựng công trình thủy                                                                             | 4291 |
| 43. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                | 4293 |
| 44. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299 |
| 45. | Phá dỡ                                                                                               | 4311 |
| 46. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312 |
| 47. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321 |
| 48. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 49. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                             | 4761 |
| 50. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                     | 4771 |
| 51. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh              | 4772 |

|     |                                                                                               |                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 52. | Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_

Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_

Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_

Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_

Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/11/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 231107303

Ngày cấp: 23/04/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai

Địa chỉ thường trú: Thôn An Sơn, Xã Cư An, Huyện ĐakPơ, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn An Sơn, Xã Cư An, Huyện ĐakPơ, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang